TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 11/01/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lệ Dung

Ông Vũ Xuân Dự

- Thư ký phiên toà: ông Phạm Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 11/01/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/11/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-DS ngày 28/12/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1982; nơi ĐKHKTT: Xóm 7B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: Xóm 4, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình

- **Bị đơn**: anh Phạm Văn T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Xóm 7B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: có mặt chị Y, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị (Nguyễn Thị Y) kết hôn với anh Phạm Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/10/2005 tại UBND xã L, huyện K. Sau kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm 7B, xã L, huyện K. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian dài, khoảng 5-6 năm gần thì phát sinh mẫu thuẫn do bất đồng quan điểm trong làm ăn, phát triển kinh tế gia đình

cũng như trong việc dạy bảo con cái, chị Y đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, mỗi lần như vậy hai bên gia đình lại khuyên bảo, góp ý, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn xảy ra và ngày càng trầm trọng hơn, mặc dù sống chung nhà nhưng vợ chồng sống ly thân khoảng 5 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Do không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên đầu năm 2020 chị phải đưa các con về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 4, xã L để ở cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: chị Y xác nhận vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Nhật Q, sinh ngày 09/8/2006 và cháu Phạm Hoàng N, sinh ngày 17/3/2011. Hiện nay các cháu đang ở với chị Y tại xóm 4, xã L, huyện K. Khi ly hôn chị Y có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 cháu, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản và nợ chung: chị Y xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Phạm Văn T, nơi cư trú tại xóm 7B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vụ án được thụ lý theo thủ tục Hòa giải tại Tòa án theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Tòa án đã phối hợp với UBND xã L giao các văn bản tố tụng, quyền lựa chọn hòa giải viên và báo anh T tham gia hòa giải, nhưng anh T không hợp tác. Do đó theo yêu cầu của người khởi kiện, Tòa án đã chuyển vụ việc sang thụ lý theo thủ tục tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện K đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh T, anh T có mặt tại các buổi làm việc, nhưng anh T có ý kiến anh là người theo đạo Công giáo, theo quy định của tôn giáo anh theo, anh không được phép bỏ vợ con nên anh từ chối nhận văn bản của Tòa án, đề nghị giao các văn bản cho bố mẹ anh có nhận thay và không có ý kiến gì khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai cháu Phạm Nhật Q và cháu Phạm Hoàng N đều trình bày trường hợp bố mẹ ly hôn thì cả 02 cháu đều có nguyện vọng xin được ở với chị Y.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh: Chính quyền địa phương xã L, huyện K cung cấp: anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị Y là vợ chồng, anh chị ấy có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K vào năm 2005. Sau khi kết hôn anh chị ấy sinh sống tại xóm 7B, xã L. Qua nắm bắt tình hình cơ sở thì địa phương được biết vợ chồng anh chị ấy có xảy ra mâu thuẫn, do anh T bị tại nạn giao thông, bị ảnh hưởng đến sức khỏe cách đây khoảng 6 năm, cũng từ thời gian đó vợ chồng anh chị ấy thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể như nào thì chính quyền địa phương không nắm được. Khoảng hơn 2 năm nay chị Y đã về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại xóm 4, xã L cho đến nay. Hiện nay anh T vẫn sống tại xóm 7B, xã L kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Về con chung, anh T, chị Y có 02 con chung là cháu Phạm Nhật Q, sinh năm 2006 và cháu Phạm Hoàng N, sinh năm 2011. Hiện nay các cháu đang ở với chị Y tại xóm 4, xã L. Về công việc thì cả anh T, chị Y đều là lao động tự do nên thu nhập của anh chị ấy như nào chính quyền địa phương không nắm được.

Tại Biên bản làm việc ngày 01/12/2022, ông Phạm Văn Đ, bà Đinh Thị K - bố, mẹ đẻ anh T cung cấp: anh T là con trai ông, bà; chị Nguyễn Thị Y là con dâu, anh chị ấy kết hôn vào năm 2005, vợ chồng anh chị ấy sống cùng gia đình ông bà tại Xóm 7B, xã L. Anh T trước đây có làm nghề lái xe, thường xuyên đi xa nhà, cách đây khoảng 5 năm không may anh T bị tai nạn liệt nửa người, gia đình đã chạy chữa tại nhiều bệnh viện và hiện tại sức khỏe đã bình phục, tiếp tục làm ăn và nuôi sống được bản thân. Trong thời gian anh T bị ốm đau, chị Y đã bỏ mặc không quan tâm gì đến anh T, đây cũng là lý do dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Thời gian gần đây gia đình và anh T đã nhận được các giấy tờ của Tòa án, biết việc chị Y có đơn xin ly hôn anh T, anh T không có ý kiến gì, không đến Tòa án để làm việc, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì gia đình theo đạo Công giáo không được phép ly hôn, không nhận bất kỳ giấy tờ nào của Tòa án và không ký vào các văn bản làm việc của Tòa án, anh T đề nghị Tòa án có gửi giấy tờ gì cho anh thì cứ gửi thông qua gia đình hoặc cán bộ xóm để giao lại cho anh. Về con chung, vợ chồng anh T, chị Y có 02 con chung là cháu Phạm Nhật Q, sinh ngày 09/8/2006 và cháu Phạm Hoàng N, sinh ngày 17/3/2011. Hiện nay các cháu đang ở với chị Y tại xóm 4, xã L, huyện K, khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các cháu. Còn về tài sản chung, anh T, chị Y sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho Nguyễn Thị Y ly hôn anh Phạm Văn T. Giao cả 02 con chung là cháu Phạm Nhật Q, sinh ngày 09/8/2006 và cháu Phạm Hoàng N, sinh ngày 17/3/2011 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Y, anh T có quyền thăm nom con chung. Về án phí: chị Y phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về "Hôn nhân và gia đình" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phạm Văn T, sinh năm 1980; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 7B, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 28/12/2022 anh Phạm Văn T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 11/01/2023 Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh Phạm Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Y và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết

hôn ngày 26/10/2005 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh T và chị Y không tôn trọng nhau trong cuộc sống. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do không đồng quan điểm trong sinh hoạt cũng như trong làm ăn kinh tế, mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra từ nhiều năm nay, đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không thành, thực tế hai người đã không quan tâm đến nhau từ nhiều năm nay và hiện đang sống ly thân nhau.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh T đang có mặt tại nơi cư trú xóm 7B, xã L và anh T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ việc Tòa án nhân dân huyện K đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Y với anh, nhưng anh T không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y. Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình nhà anh T làm việc, anh T có mặt tại buổi làm việc và nêu lý do anh là người theo đạo Công giáo nên không được phép ly hôn, không ký nhận văn bản, việc chị Y xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh không có ý kiến gì. Như vậy, giữa anh T và chị Y không có biện pháp nào để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, anh T không có thiện chí hòa giải, có ý bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Phạm Văn T là phù hợp.

[3] Về con chung: chị Y, anh T có 02 con chung là cháu Phạm Nhật Q, sinh ngày 09/8/2006 và cháu Phạm Hoàng N, sinh ngày 17/3/2011. Hiện nay các cháu đều đang ở với chị Y tại xóm 4, xã L, huyện K từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh T không quan tâm gì đến các cháu. Quá trình giải quyết vụ án, chị Y có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị; anh

T không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và theo nguyện vọng của các cháu. Nguyện vọng của cả hai cháu đều muốn được ở với chị Y.

Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận đề nghị của chị Y, giao chị Y trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Phạm Nhật Q, sinh ngày 09/8/2006 và cháu Phạm Hoàng N, sinh ngày 17/3/2011. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Y như sự tự nguyện của chị Y và nguyện vọng của các cháu là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị Y xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh T không có ý kiến gì. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Phạm Văn T.

2. Về nuôi con chung: giao con chung là cháu Phạm Nhật Q, sinh ngày 09/8/2006 và cháu Phạm Hoàng N, sinh ngày 17/3/2011 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Y; anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trôm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Y. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004706 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; chị Y đã nộp đủ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKS huyện K;*
- *THADS huyện K;*
- *UBND xã L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng